TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 176/2018/QĐST-HNGĐ	*K, ngày 12 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 211/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Quỳnh H; ĐKHKTT: Số nhà 20 ngõ 102, tổ 7, phường N, quận L, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Đường H, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T; nơi cư trú: Số 47 đường M, tổ 4, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Quỳnh H và anh Phạm Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh H và anh Phạm Văn T thuận tình ly hôn.

Nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Quỳnh H và anh Phạm Văn T có 01 con chung là Phạm Nhật N, sinh ngày 05/9/2012, chị H tiếp tục nuôi con chung Phạm Nhật N cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Phạm Nhật N mỗi tháng là 2.000.00 đồng kể từ tháng 11/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Quỳnh H và anh Phạm Văn T không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quỳnh H nhận nộp cả số tiền 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng, cộng bằng 300.000 đồng, chị H đã nộp theo biên lai số 0010254 ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng
- VKSND quận K;
- Chi cục THA DS quận K;
- UBND phường N, quận L, thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

THẨM PHÁN

Sơn Thị Nhân